

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU
(*Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than*)

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục hệ thống hoá kiến thức đã học về *dấu chấm, chấm hỏi, chấm than*.
2. Củng cố kĩ năng sử dụng 3 loại dấu câu trên.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bút dạ và một vài tờ phiếu khổ to phô tô nội dung mẫu chuyện vui ở BT1 ; một vài tờ phô tô mẫu chuyện vui ở BT2.
- Một vài tờ giấy khổ to để HS làm BT3.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

GV đưa ngữ liệu mới để kiểm tra kĩ năng sử dụng các dấu chấm, chấm hỏi, chấm than của 1 – 2 HS. Khi điền dấu câu vào chỗ thích hợp hoặc chữa lại những lỗi dùng sai dấu câu, các em cần giải thích vì sao phải điền dấu câu đó hoặc vì sao phải sửa sai. (Có thể cho HS làm lại BT của tiết LTVC trước.)

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

– Một HS đọc nội dung BT1. Cả lớp theo dõi trong SGK.

– GV hướng dẫn cách làm bài : Các em cần đọc chậm rãi từng câu văn, chú ý các câu có ô trống ở cuối : nếu đó là câu kể thì điền dấu chấm ; câu hỏi thì điền dấu chấm hỏi ; câu cảm hoặc câu khiến – điền dấu chấm than.

– HS làm bài cá nhân hoặc trao đổi cùng bạn – điền dấu câu thích hợp vào các ô trống trong VBT. GV phát bút dạ và phiếu cho một vài HS.

– Những HS làm bài trên phiếu dán bài lên bảng lớp, tiếp nối nhau trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

– Một HS đọc lại văn bản truyện đã điền đúng các dấu câu :

Tùng bảo Vinh :

– Chơi cờ ca-rô đi !

– Để tớ thua à ? Câu cao thủ lắm !

– A ! Tớ cho cậu xem cái này . Hay lắm !

Vừa nói, Tùng vừa mở tủ lấy ra quyển ảnh lưu niệm gia đình đưa cho Vinh xem .

– Ảnh chụp cậu lúc lên mấy mà nom ngộ thế ?

– Cậu nhảm to rồi ! Tớ đâu mà tớ ! Ông tớ đấy !

– Ông cậu ?

–Ừ ! Ông tớ ngày còn bé mà . Ai cũng bảo tớ giống ông nhất nhà .

Bài tập 2

– HS đọc nội dung BT2.

– GV hướng dẫn HS làm bài : Giống như với BT1, các em hãy đọc chậm rãi, xem từng câu là câu kể, câu hỏi hay câu khiến, câu cảm. Trên cơ sở đó, em phát hiện lỗi rồi sửa lại, nói rõ vì sao em sửa như vậy.

– Cách thực hiện tiếp theo tương tự BT1. GV phát bút dạ và phiếu cho một vài HS làm bài – các em gạch dưới những dấu câu dùng sai, sửa lại ; trình bày kết quả. GV kết luận lời giải đúng :

Các câu văn	Sửa
NAM : 1) Tớ vừa bị mẹ mắng vì toàn để chị phải giặt giúp quần áo.	Câu 1, 2, 3 dùng đúng các dấu câu.
HÙNG : 2) Thế à ? 3) Tớ thì chẳng bao giờ nhờ chị giặt quần áo.	

NAM : 4) Chà. 5) Cậu tự giặt lấy cơ à ! 6) Giỏi thật đấy ?	4) <i>Chà !</i> (Đây là câu cảm) 5) <i>Cậu tự giặt lấy cơ à ?</i> (Đây là câu hỏi) 6) <i>Giỏi thật đấy !</i> (Đây là câu cảm)
HÙNG : 7) Không ? 8) Tớ không có chị, đành nhờ... anh tớ giặt giúp !	7) <i>Không !</i> (Đây là câu cảm) 8) <i>Tớ không có chị đành nhờ... anh tớ giặt giúp.</i> (Đây là câu kể)
NAM : !!!	Ba dấu chấm than được sử dụng hợp lí – thể hiện sự ngạc nhiên, bất ngờ của Nam.

– HS trả lời câu hỏi : *Vì sao Nam bất ngờ trước câu trả lời của Hùng ?* (Thấy Hùng nói Hùng chẳng bao giờ nhờ chị giặt quần áo, Nam tưởng Hùng chàm chỉ, tự giặt quần áo. Không ngờ, Hùng cũng lười : Hùng không nhờ chị mà nhờ anh giặt hộ quần áo.)

Bài tập 3

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV : *Theo nội dung được nêu trong các ý a, b, c, d, em cần đặt kiểu câu với những dấu câu nào ?* (HS phát biểu :

Với ý a, cần đặt câu khiến, sử dụng dấu chấm than.

Với ý b, cần đặt câu hỏi, sử dụng dấu chấm hỏi.

Với ý c, cần đặt câu cảm, sử dụng dấu chấm than.

Với ý d, cần đặt câu cảm, sử dụng dấu chấm than.)

– HS làm bài vào vở hoặc VBT. GV phát giấy khổ to và bút dạ cho 3 – 4 HS.

Cách thực hiện tiếp theo tương tự BT2. VD :

Ý a) Câu cầu khiến : *Chị mở cửa sổ giúp em với !*

Ý b) Câu hỏi : *Bố ơi, mấy giờ thì hai bố con mình đi thăm ông bà ?*

Ý c) Câu cảm thán : *Cậu đã đạt được thành tích thật tuyệt vời !*

Ý d) Câu cảm thán : *Ôi, búp bê đẹp quá !*

3. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Nhắc HS sau các tiết ôn tập cố ý thức hơn khi viết câu, đặt dấu câu.